

NGƯỜI LÍNH GIÀ KHÔNG BAO GIỜ CHẾT

Trần Xuân Hiền



Thống Tướng Douglas MacArthur

26.1.1880-5.4.1964

Người lính già xa quê hương
nghe trong tim đêm ngày trần trở
nhớ quá một thời chinh chiến gian lao
Nhớ phút hiên ngang đi vào binh lửa
Sắt thép trong tay đang đối diện thù
Bỗng tiếng loa vang lệnh truyền buông thả
Nửa đời còn gì cung kiếm ngang trời

.....

Nhớ những đêm mưa quân hành đất đỏ
Nhớ những đêm xuân nơi chốn địa đầu
Nay quá xa xăm đường về thăm thẳm
Nửa đời ngậm ngùi mang kiếp tha phương

Vẫn thấy nơi đây chỉ là đất tạm
Thầm hẹn ngày về chết giữa quê hương
Nhật Ngân

(Người Lính Già Xa Quê Hương)

Người Lính Già Không Bao Giờ Chết là câu hát của người lính Mỹ trong doanh trại thời trước, nhưng khi câu hát này được thốt ra từ Tướng Douglas MacArthur khi ông đọc bài điều trần trước Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ sau khi bị cất chức Tư Lệnh Tối Cao Quân Đội Hoa Kỳ ở Đông Nam Á và các lực lượng Liên Hiệp Quốc trong cuộc chiến tranh Nam-Bắc Hàn năm 1950, thì trở thành bất hủ. Ông là một trong những vị Tướng 5 sao của Hoa Kỳ được nhiều huy chương chiến trường nhất, và ông là một thiên tài quân sự được xem là một Caesar. Nhưng trong một phương diện khác, ông gây ra nhiều ý kiến chống đối, đó là lý do tại sao ông không được bầu làm Tổng Thống Hoa Kỳ, mà chỉ làm một Người Lính Già Không Bao Giờ Chết.

Ông sinh trưởng trong một gia đình võ nghiệp. Cha ông là Tướng chỉ huy lực lượng Hoa Kỳ chiếm đóng Phi Luật Tân sau cuộc chiến tranh Hoa Kỳ-Tây Ban Nha 1898. Lúc nhỏ sống trong doanh trại, ông được dự những buổi chào cờ và diễn hành

quân cách, nên nuôi giấc mộng làm lính. Ông được gọi học Trường Thiếu Sinh Quân, và lớn lên được thân nhân vào Trường West Point. Sau khi ra Trường vào năm 1904, ông được gán cấp Thiếu Úy Ngành Công Binh, và phục vụ ở Phi Luật Tân để xây cất đường sá và bến tàu, rồi làm Sĩ Quan Tùy Viên cho cha. Nhờ đó ông được tháp tùng theo cha trong các cuộc thăm viếng Nhật Bản, Trung Hoa và Singapore, và có nhận định sớm là tương lai quyền lợi Hoa Kỳ không phải ở Âu Châu mà là ở các nước Á Châu đang giành lại quyền độc lập.

Trở về Hoa Kỳ ông tham gia công trình Kênh Panama, phụ trách xây cất San Francisco sau vụ động đất 1906, tham gia trận chiến tranh với Mexico năm 1913. Khi Thế Chiến I bùng nổ, ông là Đại Tá trong đoàn quân viễn chinh Hoa Kỳ sang chiến đấu ở Pháp năm 1917. Mặc dù là Sĩ Quan Tham Mưu Sư Đoàn, ông thích cầm quân ra trận. Ông là một sĩ quan gan dạ trong các trận đẫm máu nhất của mặt trận miền Tây (Pháp, Bỉ và Hòa Lan) ông được gán 7 Anh Dũng Bội Tinh Silver Star, một Distinguished Service Cross, một Distinguished Service Medal và một Legion d'honneur (Bắc Đẩu Bội Tinh) của Quân Đội Pháp, và được thăng cấp Tướng một sao.

Cũng như các Danh Tướng Mỹ khác, ông có một lối ăn mặc đặc biệt, không gài cúc cổ áo, không mang cà vạt, và thích đội chiếc nón kết bầu nhàu thêu kim tuyến trông rất tài tử.

Ông được cử làm Chỉ Huy Trường Trường West Point năm 1919 lúc 39 tuổi, là một trong những vị Chỉ Huy Trường trẻ nhất. Ông thực hiện nhiều cải cách sâu rộng như nâng cao tinh thần thể thao, mang môn khiêu vũ vào chương trình, khuyến khích Sinh Viên Sĩ Quan khích đọc báo hàng ngày để tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Về văn hóa, ông thấy người lính tương lai không còn là hạng chuyên nghiệp nữa mà xuất thân từ các tầng lớp xã hội, nên người sĩ quan không thể dùng kỷ luật khắc khe và hình phạt nặng nề để chỉ huy mà phải có tầm hiểu biết rộng rãi về tâm lý, lịch sử, xã hội và những mối tương quan trên thế giới, nên Khoa Nhân Văn (Sử, Văn Chương) và Khoa Học Xã Hội (Xã Hội, Luật, Kinh Tế) được mang vào, và các giảng viên được gọi đến các Đại Học bên ngoài hàng năm một tháng để trau dồi kiến thức. Nhờ vậy văn bằng tốt nghiệp West Point được Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết chấp nhận có giá trị ngang hàng với văn bằng Cử Nhân ở các Đại Học dân sự.

Năm 1922 ông được cử trở lại Phi Luật Tân chỉ huy lực lượng quân sự Hoa Kỳ ở Manila trong 3 năm, khi trở về Hoa Kỳ ông được thăng cấp Tướng 2 sao chỉ huy cấp Quân Đoàn, rồi làm việc tại Bộ Quốc Phòng.

Năm 1930 ông được cử làm Tổng Tham Mưu Trường Quân Lực Hoa Kỳ, và được mang cấp Tướng 4 sao giả định theo chức vụ. Ông thực hiện nhiều công tác quan trọng, như ra Quốc Hội tranh đấu đòi tăng ngân sách quốc phòng, gia tăng Quân Đội, lập ra Trường Tham Mưu Trung Cấp Leavenworth giúp sĩ quan trẻ có cơ hội tiến xa trên đường võ nghiệp, lập ra Đại Học Quân Sự để giúp cấp Tá lãnh đạo sau này. Nhờ vậy khi Đại Chiến II bùng nổ, Quân Đội Hoa Kỳ có đủ cấp sĩ quan lãnh đạo.

Khi Tổng Thống Roosevelt đắc cử năm 1930, chính sách New Deal được mang ra để giải quyết nền kinh tế khủng hoảng. Một tổ chức gọi là Civilian Conservation Corps thu hút hơn 300 ngàn người trẻ không có việc để thực hiện những chương trình như xây trường học, tu bổ công ốc, xê đường, khơi sông và trồng rừng. Chương trình này gặp khó khăn bước đầu vì tất cả đoàn viên đều là dân thất nghiệp lười biếng và thiếu kỷ luật, nên ông được giao phó nhiệm vụ này. Nhờ áp dụng tổ chức Quân Đội và dùng sĩ quan điều hành, ông đã thực hiện kế chương trình này tốt đẹp.

Năm 1934 nhiệm kỳ Tham Mưu Trưởng đáo hạn, ông vận động ở lại để có thể thực hiện nhiều chương trình khác, nhưng không được. Trong lúc đang khó xử, vì ông sẽ trở lại cấp cũ, thì phái đoàn chính phủ Phi Luật Tân sang Washington nhờ chính phủ Hoa Kỳ giới thiệu một vị cố vấn quân sự để thành lập một đội quân chuẩn bị cho một nước Phi Luật Tân sắp được Hoa Kỳ trao lại độc lập vào năm 1946. Nếu nhận chức vụ này ông phải rời Quân Đội. Đó là một khổ tâm của ông, mặc dù ông hưởng được nhiều quyền lợi lớn. Cuối cùng buộc lòng, ông chấp nhận, và chính phủ đặc phái Đại Tá Eisenhower đi theo làm Phụ Tá cho ông.

Vào năm 1940, Đế quốc Nhật Bản đang bành trướng thế lực trong vùng Đông Nam Á. Vì thời gian cấp bách và ngân sách eo hẹp nên ông phỏng theo Thụy Sĩ lập một đạo quân trừ bị, nghĩa là chỉ duy trì một đạo quân hiện dịch 40 ngàn, còn ngoài ra sẽ đào tạo một đạo quân trừ bị khoảng 200 ngàn người trong thời gian 6 năm, khi bình thường ở nhà, khi có chiến tranh sẽ trở lại nhập ngũ. Đó là một kế hoạch sai lầm, vì đạo quân này ô hợp tan rã nhanh chóng khi quân Nhật đổ bộ lên Luzon vào năm 1941.

Sau khi chiếm Triều Tiên, Mãn Châu, miền Bắc Trung Hoa, các Tỉnh Thượng Hải, Bắc Kinh và Đài Loan, Nhật Bản thấy không đủ sức để chiếm nốt Trung Hoa, nên ngừng lại và quay ra bành trướng trong vùng Thái Bình Dương để chiếm các tài nguyên quan trọng cần cho bộ máy chiến tranh như dầu hỏa ở Nam Dương, cao su ở Mã Lai và hàm mỏ ở Úc. Khởi sự Nhật đưa quân vào Đông Dương năm 1940 với sự đồng ý của Pháp để đánh chiếm Mã Lai, Singapore, và tiếp tục đổ quân chiếm các Quần Đảo Marinas, Solomons và Papua New Guinea để xâm chiếm Úc. Trước tình hình nghiêm trọng, Bộ Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ gọi ông trở lại Quân Đội và thăng ông cấp Tướng 3 sao vào tháng 7.41 làm Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ và Phi Luật Tân.

Khi quân Nhật thành linh oanh tạc Pearl Harbour ngày 8.12.41, ông được thăng lên Tướng 4 sao chỉ huy tất cả lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương.

Lực lượng Hoa Kỳ ở Phi Luật Tân chỉ gồm có 3 Sư Đoàn với quân số không đầy đủ dưới quyền chỉ huy của Tướng Wainwright, ông yêu cầu Bộ Tổng Tham Mưu gọi thêm quân và vũ khí, nhưng không được đáp ứng, vì ưu tiên dành cho mặt trận Âu Châu. Nên khi quân Nhật từ Đài Loan đổ bộ 200.000 quân cùng với hàng trăm phi cơ lên bán Đảo Luzon phía Bắc Phi Luật Tân thì Hoa Kỳ không chống đỡ nổi, Quân Đội Hoa Kỳ rút về cố thủ ở Bán Đảo Battan cách Manila vài chục dặm về phía Bắc, nhưng Battan thất thủ, ông và Bộ Tham Mưu rời Manila rút ra Đảo Corregidor ngoài Vịnh Manila. Ông cương quyết cố thủ để chờ tiếp viện. Bộ Tổng Tham Mưu dưới quyền Tướng Marshall yêu cầu ông rời hòn đảo này để qua Úc lập lực lượng phản công, ông từ chối dù phải bỏ mạng. Tướng Marshall lo ngại nếu Tướng MacArthur bị bắt sống thì đó là một sự nhục nhã đối với cường quốc Hoa Kỳ và làm mất tinh thần Quân Đội Hoa Kỳ trên khắp thế giới, nên ra lệnh ông phải rời Đảo. Hải Quân được lệnh phái tàu đến đưa ông và Ban Tham Mưu xuống Đảo Midanao phía Nam Phi Luật Tân, và từ đó Không Quân đưa ông sang Darwin, Thành Phố Bắc Úc. Ông cảm thấy hổ thẹn như kẻ đào ngũ bỏ rơi Quân Đội, nhưng ông hứa, "I shall return". Đó là câu nói bất hủ đã dày vò tâm hồn ông ngày đêm cho đến khi giải phóng được Phi Luật Tân mới thôi. Khi ông vừa đến Darwin thì Không Quân Nhật dội bom xuống Thành Phố này. Khi xuống Melbourne ông được Thủ Tướng Úc John Curtin và dân chúng Thành Phố này đón mừng như một vị anh hùng. Trong khi đó ở Hoa Kỳ bộ máy tuyên truyền ca ngợi ông để nâng cao tinh thần Quân Đội, các hội hè, các đoàn thể và các trường học đều treo cờ và hình ảnh của ông.

Ông được cử làm Chỉ Huy lực lượng Hoa Kỳ và các nước Đồng Minh ở Viễn Đông, nhưng ông khổ tâm vì Quân Lực Hoa Kỳ chưa có mặt trên đất Úc. Trong khi

đó nước Úc đang bao trùm trong một bầu không khí bại trận đến nơi, vì Úc đang bị bỏ ngõ, Quân Lực Úc gồm 4 Sư Đoàn thiện chiến đang ở mặt trận Bắc Phi, Hải Quân Úc đang ở Địa Trung Hải và Không Lực Úc đang ở Trung Đông, nên dân chúng lo sợ quân Nhật có thể xuất hiện bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Sự có mặt của ông mang lại một niềm hy vọng lớn cho dân Úc. Ông đặt bản doanh tại Thành Phố Brisbane, ngụ tại khách sạn Lennon và làm việc tại tòa nhà AMP. Khi mặt trận Âu Châu bắt đầu nghiêng về phe Đồng Minh, Tổng Tham Mưu Trưởng Hoa Kỳ mới bắt đầu nghĩ đến chiến trường Viễn Đông, Quân Đoàn 8 do Tướng Eichelberger và nhiều phi đoàn vận tải và chiến đấu được gửi sang Úc.

Chiến lược của Nhật là một mặt chiếm các Quần Đảo Solomons, Papua Guinea, và một mặt khác diệt tan Hạm Đội Hoa Kỳ, cắt đứt đường hải vận từ Hoa Kỳ, tức là làm bá chủ được vùng Thái Bình Dương, và vấn đề xâm chiếm Úc không còn khó khăn nữa, nên Nhật đã oanh tạc Trân Châu Cảng ngày 8.12.41 hòng tiêu diệt Hạm Đội 7 của Hoa Kỳ, nhưng không thành công, nên qua năm sau, Đô Đốc Yamamoto dẫn Hạm Đội hùng hậu với 4 Hàng Không Mẫu Hạm chứa trên hàng trăm phi cơ quyết tâm tiêu diệt Hạm Đội Hoa Kỳ. Nhờ bắt được tín hiệu mật của Nhật, Hải Quân Hoa Kỳ phát hiện sớm và đánh tan đoàn chiến hạm Nhật gần Đảo Midway. Trận hải chiến này đã xoay chiều mặt trận Thái Bình Dương. Trong khi đó, Tướng MacArthur bắt đầu phản công những Quần Đảo. Những trận đánh chiếm những căn cứ Nhật trên các Quần Đảo này là những trận đẫm máu đắt giá với 1 đổi 2, bởi vì quân Nhật cố thủ trong những hầm hố kiên cố. Sau khi chiếm được Đảo Solomons, Hoa Kỳ và Úc bắt đầu phản công New Guinea. Khi các căn cứ lớn như Rabaul, Lae, Gona và Buna lọt vào tay Hoa Kỳ, và quân Úc đánh tan được quân Nhật ở con đường mòn Kokoda phía Bắc Thị Trấn Moresby của Papua New Guinea thì Đồng Minh coi như làm chủ tình hình Quần Đảo này, và Tướng MacArthur tuyên bố với dân Úc mỗi đe dọa Nhật không còn nữa.

Bây giờ Tướng MacArthur mới nghĩ đến kế hoạch giải phóng Phi Luật Tân như lời hứa, nhưng các Tư Lệnh Hải Quân và Không Quân muốn bỏ Phi Luật Tân mà đánh thẳng vào Nhật. Tổng Thống Roosevelt bay sang Hawai họp với các Tướng vùng Viễn Đông để vạch một kế hoạch phản công. Ông thuyết phục Tổng Thống Roosevelt phải giải phóng Phi Luật Tân.

Ông được thăng cấp Tướng 5 sao ngày 18.12.44 chỉ huy các lực lượng Viễn Đông. Vào năm 1944, quân Đức bị đẩy lui khắp các mặt trận Âu Châu, nên mặt trận Viễn Đông được tăng cường. Cuộc đổ bộ lên Đảo Leyte phía Đông Phi Luật Tân gồm một Hạm Đội trên 1000 chiếc và hàng trăm máy bay hùng hậu chẳng kém trận Normandy. Tướng MacArthur lội nước từ chiếc tàu đổ bộ bước lên bãi biển, đầu đội chiếc nón kết tài tử và ngậm ông vớ là hình ảnh lịch sử khó quên, và từ đó quân Mỹ tiến chiếm Luzon và giải phóng Manila vào tháng 2.1945.

Hải Quân tiến chiếm các Đảo chiến lược như Saipan, Iwo Jima và cuối cùng là Okinawa gần Nhật. Đây là một trận đẫm máu nhất, cả 2 bên đều thiệt hại nặng, Hoa Kỳ phải trả giá 50 ngàn quân mới chiếm được hòn đảo này.

Kế hoạch đánh thẳng vào nội địa Nhật bắt đầu, hàng trăm pháo đài bay B.29 từ các căn cứ trên Thái Bình Dương hàng ngày dội hàng ngàn tấn bom xuống các Thành Phố kỹ nghệ Nhật, nhưng Nhật chưa chịu đầu hàng. Căn cứ vào mức thiệt hại nặng ở trận Okinawa, Tổng Thống Truman không muốn Hoa Kỳ phí tổn và kéo dài cuộc chiến tranh, nên hạ lệnh thả 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima ngày 6.8 và Nagasaki ngày 9.8 khiến Nhật đầu hàng vô điều kiện vào ngày 15.8.45.

Tướng MacArthur được cử làm Chỉ Huy Tối Cao các lực lượng Đồng Minh chiếm đóng Nhật. Lễ đầu hàng được diễn ra trên Chiến Hạm Missouri, Tướng

MacArthur oai phong với chiếc nón kết phong sương, cổ không thắt cà vạt như thường lệ chủ tọa buổi lễ.

Khi Quân Đội chiếm đóng Hoa Kỳ đặt bộ chỉ huy trên đất Nhật, ai cũng tưởng Tướng MacArthur sẽ thi hành một chính sách trả thù không nương tay đối với sự tàn ác của Quân Đội Nhật, nhưng ngược lại ông là một nhà chính trị khôn ngoan. Lúc đầu ông định thiết lập chế độ quân quản và lập tòa án quân sự, nhưng Thủ Tướng Yokoda cam kết sẽ thi hành nghiêm chỉnh văn kiện ký kết, nên ông bỏ ý định này, và quả nhiên 3 tháng sau tất cả vũ khí, máy bay, tàu chiến đều được giao trọn cho lực lượng chiếm đóng. Một vài nước đồng minh yêu cầu tháo gỡ may móc kỹ nghệ của Nhật để đến bù thiệt hại chiến tranh, và bắt xử Nhật Hoàng về tội ác chiến tranh, ông từ chối, bởi vì bây giờ ông không cầm quân nữa, mà đang đối phó với nền kỹ nghệ sụp đổ, nạn thất nghiệp và các đảng chính trị thiên tả của Nhật. Cho nên vấn đề cấp bách là phục hồi nền kinh tế Nhật để giải quyết nạn thất nghiệp trầm trọng do hàng triệu quân Nhật giải ngũ, và dân chủ hoá một nước quân phiệt độc tài.

Ông có công lớn đưa ra một bản dự thảo Hiến Pháp Nhật và được Quốc Hội Nhật chấp nhận với những nguyên tắc dân chủ như: Biến nước Nhật quân chủ chuyên chế quân phiệt thành một nước quân chủ lập hiến, biến nền kinh tế chỉ huy thành kinh tế thị trường, bỏ chế độ trợ cấp Thần Đạo tôn sùng Nhật Hoàng, thành lập các nghiệp đoàn lao động, cải cách ruộng đất, phá bỏ những tổ hợp công ty gia đình phục vụ cho bộ máy chiến tranh...

Mặc dù Hoa Kỳ có viện trợ cho Nhật để tái thiết nền kinh tế, nhưng Nhật không hưởng được chương trình viện trợ Marshall như ở Âu Châu, nền kinh tế Nhật vẫn thấp kém, nên sau 3 năm chiếm đóng ông kêu gọi Hoa Kỳ thực hiện một hiệp ước bình đẳng để giúp Nhật bản phát triển kinh tế với các quốc gia khác. Lúc này ông nghĩ đến hoà bình hơn là chiến tranh, nên ông bị công kích là đã bỏ quên vấn đề quân sự.

Ngày 25.6.50 quân Bắc Hàn đột nhiên xua quân sang vĩ tuyến 38 chia đôi Nam Bắc Hàn, quân Nam Hàn tháo chạy xuống Pusan, Thị Trấn cực Nam của Nam Hàn, Hoa Kỳ với quân số ít cũng không ngăn chặn được. Ông được cử làm Tư Lệnh Tối Cao Quân Đội các nước Liên Hiệp Quốc.

Lực lượng Hoa Kỳ chiếm đóng ở Nhật và Viễn Đông được gởi sang Nam Hàn. Nhưng muốn đẩy lui quân Bắc Hàn trở lại vĩ tuyến 38, Tướng MacArthur tính Hoa Kỳ phải tổn thất ít nhất trên một trăm ngàn quân, nên ông nghĩ ra một chiến thuật táo bạo, là bỏ mặt trận phía Nam mà đánh tập hậu ở Hải Cảng Inchon gần vĩ tuyến 38, cách Hán Thành 20 dặm về hướng Tây-Nam và cách Pusan 130 dặm để cắt đứt nguồn tiếp vận lương thực, vũ khí và binh lính Bắc Hàn. Ông gửi kế hoạch về Tổng Tham Mưu và yêu cầu tăng viện một Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Tổng Tham Mưu không tin tưởng kế hoạch này, nên cử một phái đoàn gồm 3 Tướng Tư Lệnh Lục, Hải, Không Quân và Tướng chỉ Huy Quân Đoàn Thủy Quân Lục Chiến sang Tokyo để trình bày những điểm bất lợi về địa thế, thời tiết và tiếp vận mà nguyên tắc chiến thuật không cho phép. Ông bình tĩnh trả lời từng điểm và đánh tan mọi sự hồ nghi của Ban Tham Mưu Trung Ương, và kết luận: "Đây là một ván cờ khó khăn, 1 đối với 5000, nhưng tôi chấp nhận. Nếu như thất bại tôi lãnh chịu trách nhiệm, và tôi sẽ cùng binh sĩ chiến đấu rút lui, còn quý vị không mất gì cả, danh tiếng của tôi sẽ bị chôn vùi. Tôi chỉ xin quý vị cấp cho tôi một Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến để đánh tan quân địch". Ban Tham Mưu không còn lý do ngăn trở và đồng ý.

Đến ngày 15.9.50, Tướng MacArthur đứng trên chiến hạm với Tướng chỉ huy Thủy Quân Lục Chiến tiến về Hải Cảng Inchon. Bờ biển Inchon bình thường rất cạn, nước triều mỗi ngày lên xuống 2 lần là những lúc tàu có thể vào bờ. Khi cơn triều thứ nhất dâng lên vào lúc 8 giờ sáng, một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến chiếm hòn

đảo nhỏ trước mặt Hải Cảng Inchon chẳng gặp khó khăn, và khi cơn triều thứ nhì lên cách 8 giờ sau, thì cả Sư Đoàn trên các tàu đổ bộ tiến vào bờ mà chẳng gặp sự kháng cự đáng kể. Bị yếu tố bất ngờ Bắc Hàn không chống cự được, trong khi đó lực lượng Hoa Kỳ từ Pusan đánh lên ở thế trên búa dưới đe, Bắc Hàn tan rã và chạy trở lại vĩ tuyến 38.

Với chiến thuật lừng lẫy này MacArthur trở thành một thiên tài quân sự, và tên tuổi đi vào lịch sử. Các Danh Tướng từ cổ chí kim và từ Đông sang Tây thường hay ý công và bất phục tùng. Tướng MacArthur cũng không thoát khỏi thông lệ đó. Điều này có một ảnh hưởng tai hại cho tham vọng chính trị của ông về sau.

Lần thứ nhất khi làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Hoa Kỳ dưới thời Tổng Thống Hoover. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra, hàng trăm ngàn cựu chiến binh mất việc yêu sách chính phủ trả trợ cấp hưu trí liền thay vì phải chờ đến 60 tuổi, nhưng chính phủ không chấp nhận, nên họ tập hợp thành một đoàn biểu tình gọi là Bonus Marchers kéo về Thủ Đô Washington chiếm một số công ốc và gây bạo động, Cảnh Sát được lệnh dẹp đoàn biểu tình, nhưng bất lực. Chính phủ giao cho Quân Đội, Tướng MacArthur cỡi ngựa điều động toán quân với súng gắn lưới lê và lựu đạn cay thẳng tay dẹp đoàn biểu tình, và theo chỉ thị ông phải ngừng lại bên này sông Potomac, thì ông ra lệnh cho Quân Đội vượt qua cầu cào sạch lều trại của đoàn biểu tình. Vụ đàn áp này làm dân chúng công phẫn, và bị báo chí lên án là một hành động phát xít chà đạp quyền tự do biểu tình của dân chúng của một nước tự do dân chủ ngay giữa Thủ Đô Hoa Kỳ. Cuộc đàn áp này Tổng Thống Hoover đã trả giá bằng cuộc thất bại tranh cử lần 2, còn MacArthur mang một vết dơ không tẩy xóa được.

Và lần thứ hai, sau khi dồn quân Bắc Hàn trở lại vĩ tuyến 38, ông được lệnh của Tổng Tham Mưu và Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vượt qua vĩ tuyến này để giúp Bắc và Nam Hàn thống nhất theo hòa ước ký kết giữa các nước Đồng Minh sau Đại Chiến II, nhưng không được tiến gần sát ranh giới Trung Cộng. Đồng thời Tổng Thống Truman bay sang Đảo Wake để gặp MacArthur tỏ sự lo âu một cuộc tham chiến của Trung Cộng.

Giữa Tổng Thống Truman và Tướng MacArthur vẫn có một sự hiềm khích nhau. Sau khi Nhật đầu hàng, Tổng Thống Truman hai lần mời Tướng MacArthur về Hoa Kỳ, nhưng MacArthur thoái thác viện cớ bận rộn công việc, Tổng Thống Truman tức bực, nhưng không dám ra lệnh triệu về, vì Tướng MacArthur là một vị anh hùng. Và sau trận Inchon thì uy danh của ông lấn át tất cả chính khách Hoa Kỳ, trong khi uy tín của Tổng Thống Truman đang tụt giảm. Khi Tổng Thống Truman bay sang Đảo Wake để gặp Tướng MacArthur, thì theo nghi lễ Tướng MacArthur phải phải bay đến trước để đón tiếp một vị Tổng Thống vừa là Tổng Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ, thì trái lại MacArthur ra lệnh cho máy bay hạ cánh cùng lúc với máy bay của Tổng Thống Truman, Tướng MacArthur vẫn ăn mặc thường lệ với chiếc nón phong sương và không mang ca vạt khiến Tổng Thống Truman tức giận trong lòng và chờ một cơ hội khác để cất chức. Trong buổi nói chuyện MacArthur bỏ ngoài tai mối lo sợ của vị Tổng Thống, và cả khi Tổng Thống Truman mời MacArthur ăn cơm chiều thì MacArthur cũng từ chối.

Sau trận Inchon, các Tướng trong Bộ Tổng Tham Mưu tự thấy mình nhỏ bé, và không dám tỏ bày ý kiến khi Tướng MacArthur cho Quân Đội Hoa Kỳ tiến sát biên giới Trung Hoa và cho không quân đánh sập các cây cầu trên sông Yulu giữa Trung Cộng-Bắc Hàn, và quả nhiên đưa đến sự can thiệp của Trung Cộng. Hoa Kỳ bị đánh tan, và Trung Cộng vượt qua vĩ tuyến 38 lại và tiến về Pusan. Hoa Kỳ phải khó khăn và thiệt hại nặng mới đẩy Trung Cộng về lại vĩ tuyến 38.

Cuộc chiến tranh dây dưa và tổn thất nặng khiến dân chúng Hoa Kỳ đòi chấm dứt chiến tranh sớm. Tổng Thống Truman trước sự chống đối của dân chúng đang tìm cách dàn xếp ngưng chiến với Trung Cộng, thì Tưướng MacArthur tuyên bố trên báo chí sẽ dùng Không Lực dội bom các vùng kỹ nghệ Trung Cộng nếu không chịu rút quân. Lời tuyên bố này đi ngược đường lối của chính phủ, và chứng tỏ một sự bất phục tùng, nên Tổng Thống Truman quyết định lấy tư cách Tổng Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ cất chức Tưướng MacArthur Tư Lệnh các nước Liên Hiệp Quốc, Tư Lệnh các lực lượng Đồng Minh chiếm đóng Nhật và Tư Lệnh Hoa Kỳ ở Viễn Đông và triệu hồi ông về Hoa Kỳ ngay.

Khi dân chúng Nhật nghe tin này, một số đông coi như một cái tang trong gia đình. Khi ông rời phi trường Tokyo, hơn 250 ngàn dân Nhật đứng 2 bên đường tiễn đưa thương tiếc, và khi máy bay đáp xuống sân bay San Francisco, mặc dù không được loan báo chính thức hơn 500 ngàn người tụ tập đón tiếp, và khi ông xuất hiện chính thức ở Thành Phố New York, hơn 7 triệu dân chúng đổ ra đường đón tiếp ông.

Trong bài điều trần trước Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, ông được vỗ tay hoan nghênh khiến ông phải ngưng lại nhiều lần mà vị Chủ Tịch Quốc Hội là Joe Martin nói ông chưa hề thấy một chính khách nào được hoan nghênh như vậy suốt 50 năm ở chính trường.

Ông có nghệ thuật viết và nói trước đám đông. Trong phòng làm việc của ông khi nào cũng có gắn một tấm gương lớn. Mỗi lần viết xong một bài nói chuyện, ông thường đứng trước tấm gương học cách diễn tả trong lời nói và dáng điệu.

Sau khi Nhật đầu hàng, danh vọng của ông không ai bằng. Vào cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1948, một số tổ chức ở Hoa Kỳ phát động phong trào "MacArthur For President", nhưng ông từ chối. Trong cuộc bầu cử Tổng Thống 1952 giữa lúc chiến tranh Triều Tiên đang gay go, dân chúng Hoa Kỳ đòi hỏi một vị Tổng Thống uy tín có thể mang lại hòa bình, là lúc ông đã từ giải Quân Đội. Trong kỳ Đại Hội Đảng Cộng Hòa năm 1952 chọn ứng viên ra tranh cử Tổng Thống, ông bị đàn em là Tưướng Eisenhower đánh bại như thông lệ, học trò hơn thầy, con hơn cha. Tưướng Eisenhower thua Tưướng MacArthur 10 tuổi và là khóa đàn em ở West Point. Khi Tưướng MacArthur làm Tổng Tham Mưu Trưởng, Eisenhower, thường được gọi thân mật là Ike mới là Trung Tá phục vụ ở Bộ Tổng Tham Mưu. Eisenhower lên Tưướng 5 sao chỉ 2 ngày sau Tưướng MacArthur. Ike luôn luôn kính nể vị Niên Trưởng thiên tài quân sự, nhưng ngược lại, MacArthur tuy khâm phục tài tham mưu của đàn em, nhưng không khỏi khinh khi Ike là một vị Tưướng chưa hề có một huy chương chiến trường. Trong đời binh nghiệp, Ike chỉ cầm quân có 6 tháng, rồi nhảy qua Ngành Tham Mưu, nhưng là một sĩ quan Tham Mưu xuất chúng, nên MacArthur có lần đã ghi trong phiếu cá nhân của Ike: "một Sĩ Quan Tham Mưu xuất chúng mà thời chiến tranh sẽ là một vị Tưướng giỏi"

Trong binh nghiệp, một vị Tưướng có thể thất bại đôi lần, nhưng chỉ cần một trận lừng lẫy thì có thể trở thành bất tử. Tưướng MacArthur thất trận ở Phi Luật Tân, nhưng chỉ một trận Inchon (Triều Tiên) như sấm vang đã đưa ông lên hàng Caesar.

Trong bài điều trần trước Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, ông kết thúc như sau:

"Tôi đang khép cánh cửa cuộc đời binh nghiệp 52 năm. Khi tôi gia nhập Quân Đội trước khúc quanh thế kỷ, mọi hy vọng và ước mơ thơ ấu đã thành tựu. Thế giới đã đổi thay bao phen kể từ khi tôi tuyên thệ trên Vũ Đình Trường West Point, và những giấc mộng và ước mơ đã tan biến từ lâu. Nhưng tôi vẫn còn nhớ điệp khúc một bài ca quen thuộc nhất trong doanh trại của thời đó được hát một cách kiêu hùng: "Người lính già không bao giờ chết, họ chỉ tàn phai với năm tháng". Và giống như người lính già của câu hát đó, tôi đang khép cửa cuộc đời binh nghiệp và tàn

phai, và người lính già đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ mà Thượng Đế đã soi sáng để thấy nhiệm vụ đó. Xin chào tạm biệt mọi người”.

(I am closing my fifty two years of military service. When I joined the army before the turn of the century, it was the fulfillment of my boyish hopes and dreams. The world has turned over many times since I took the oath on the plain at West Point, and the hopes and dreams have long since vanished. But I still remember the refrain of one of the most popular barrack ballads of that day which proclaimed most proudly that - Old soldiers never die, they just fade away. And like the old soldier of that ballad I now close my military career and just fade away, and old soldier who tried to do his duty as God gave him the light to see that duty. Goodbye!)

Cả Lưỡng Viện Quốc Hội đều đứng dậy vỗ tay hoan nghênh, và một số mắt hoen lệ.

Tất cả người lính già đều chết, nhưng sẽ chết trong bóng tối như mọi người, chỉ có những người lính già vinh với lính, nhục với lính, không bỏ rơi lính, không chạy trước lính, và giữ trọn phương châm “Danh Dự-Tổ Quốc-Trách Nhiệm” như Tướng MacArthur mới được gọi là Người Lính Già Không Bao Giờ Chết. Đó là lý do tại sao tác giả cuốn sách này đã dùng câu hát Người Lính Già Không Bao Giờ Chết để gọi Tướng Douglas MacArthur.

Trần Xuân Hiền